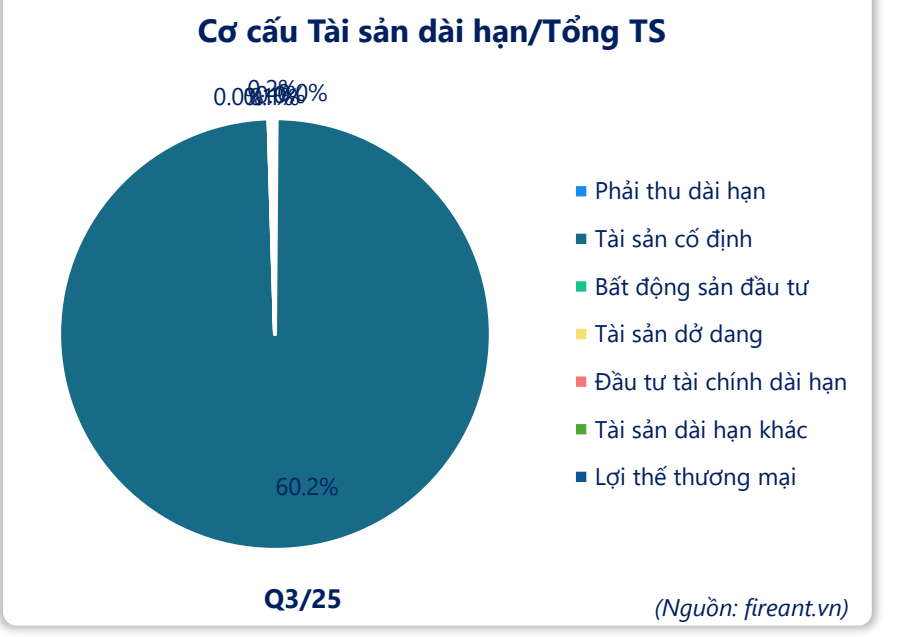
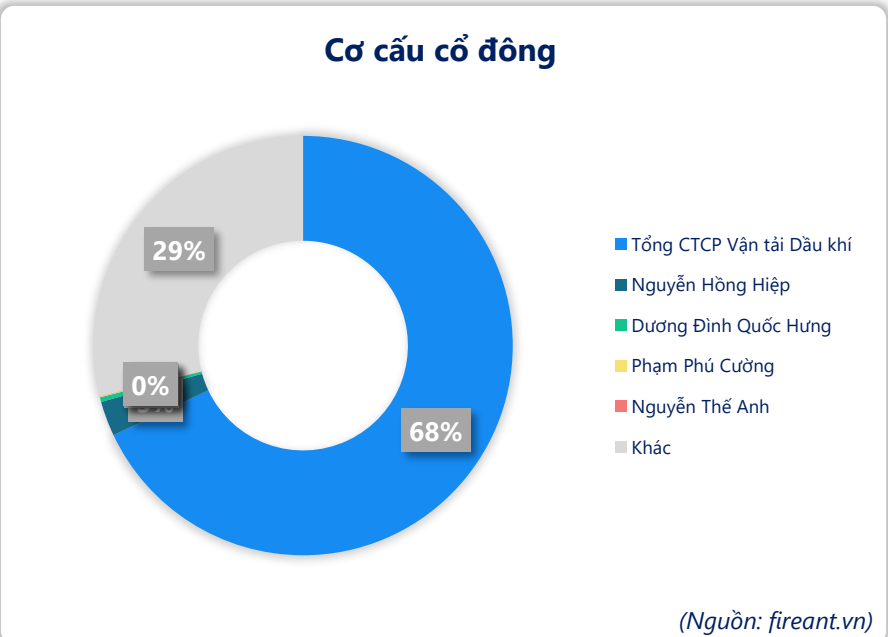
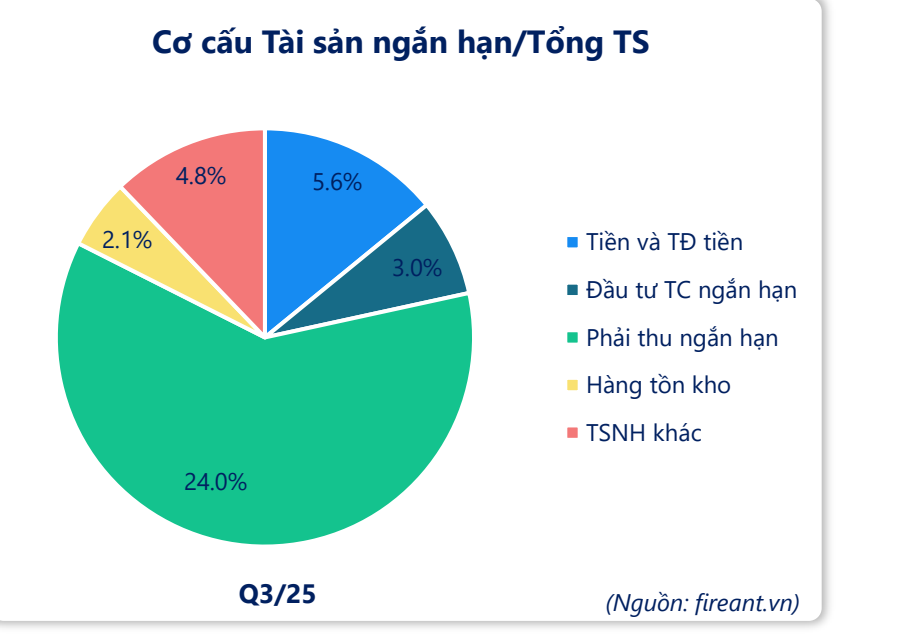
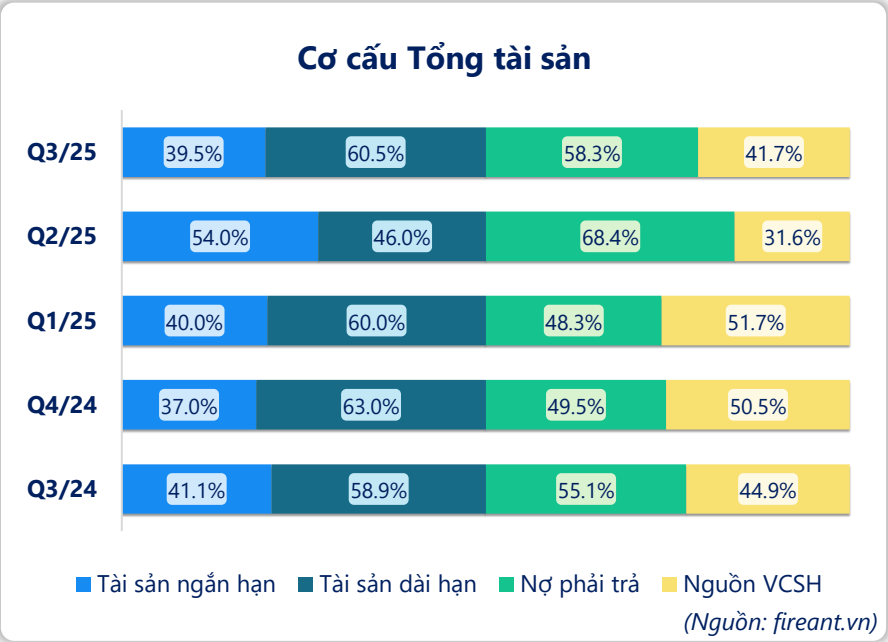
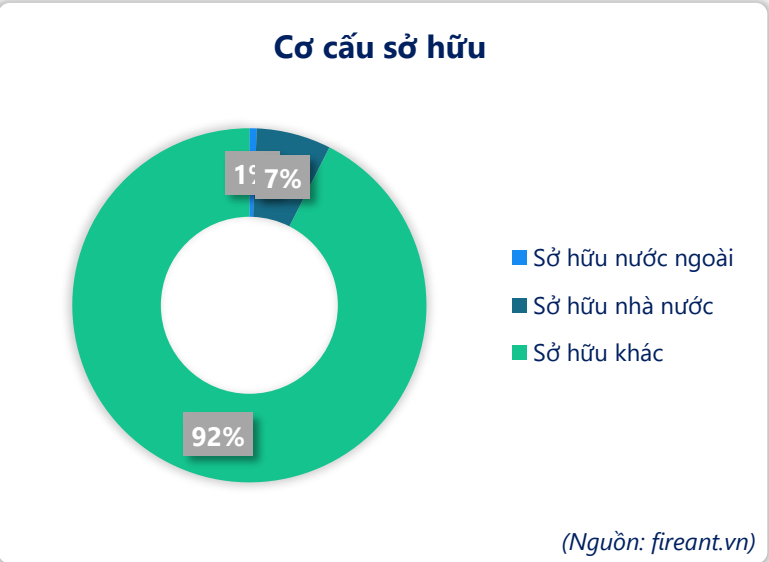
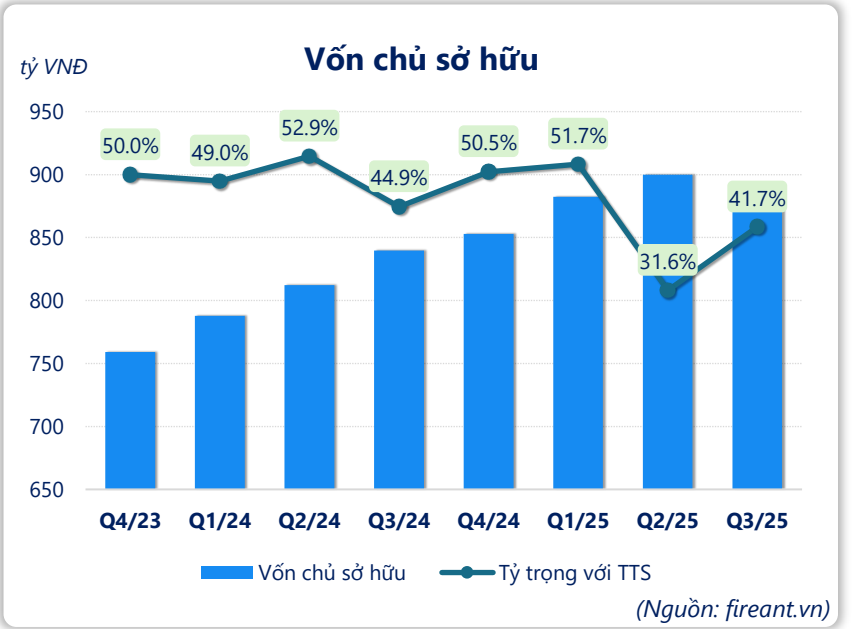
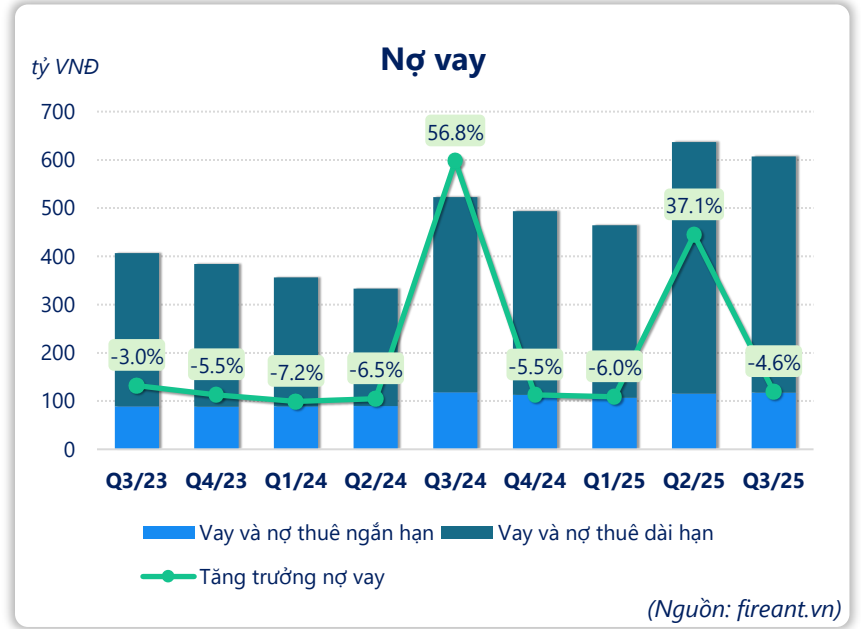
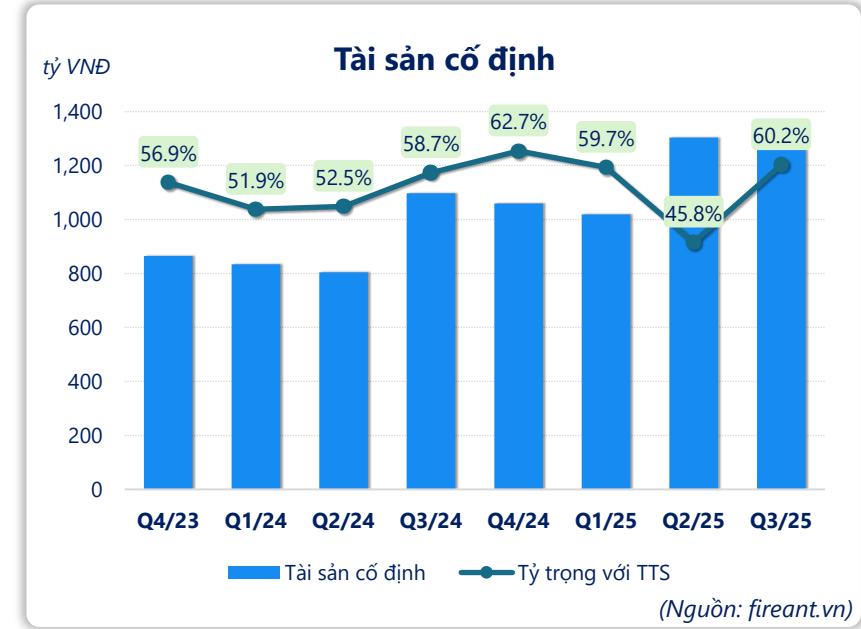
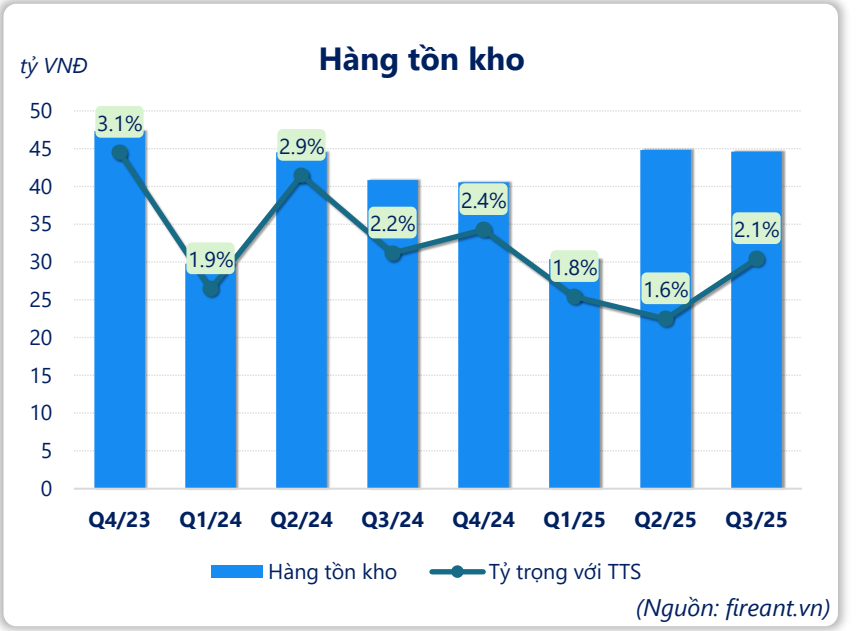
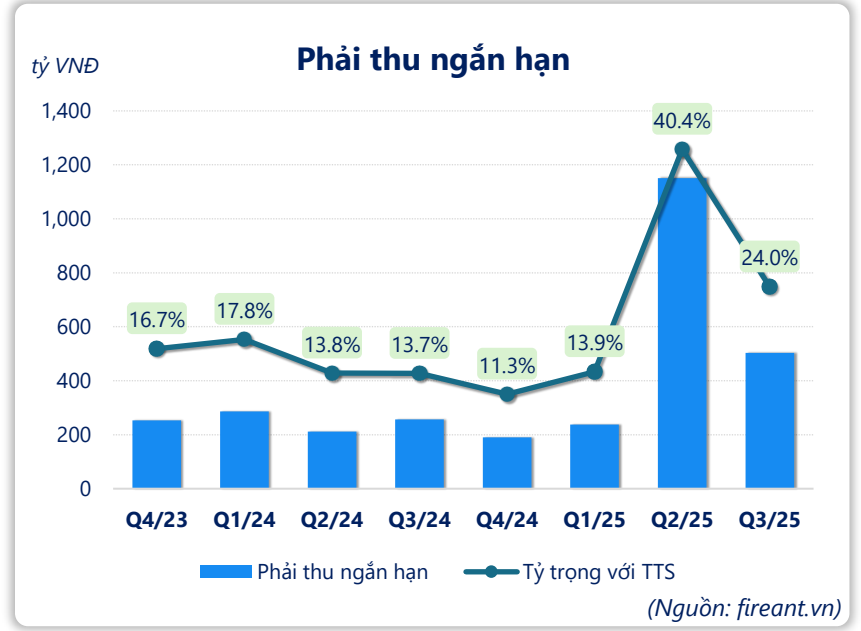
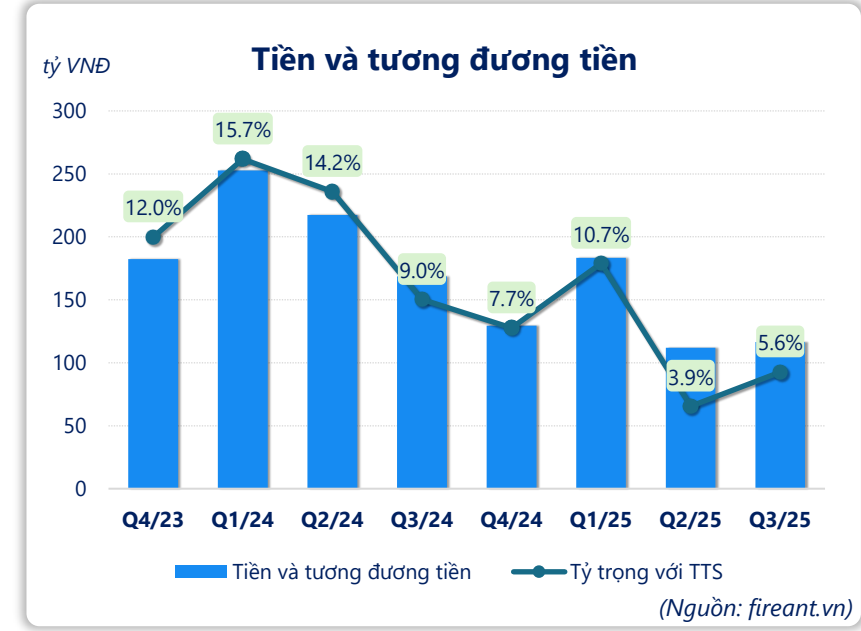
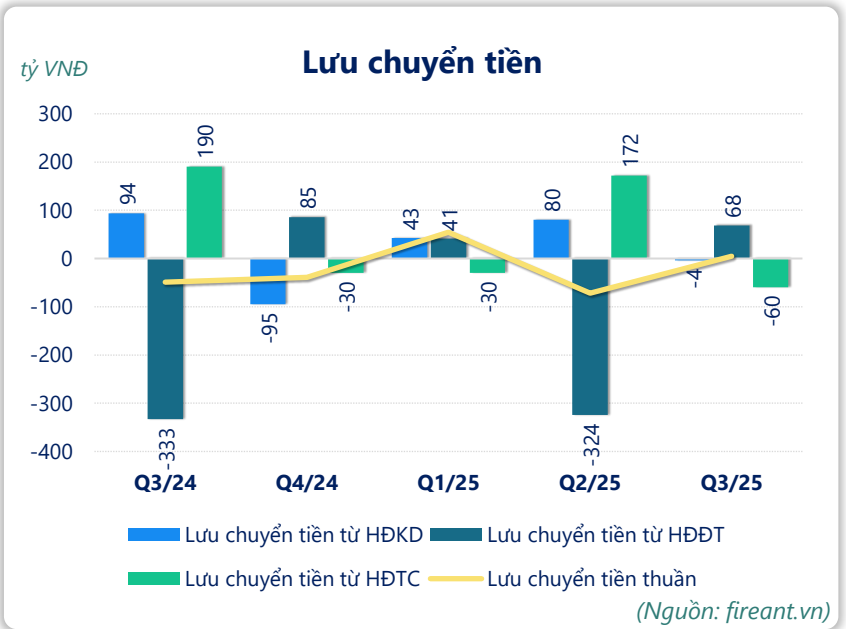
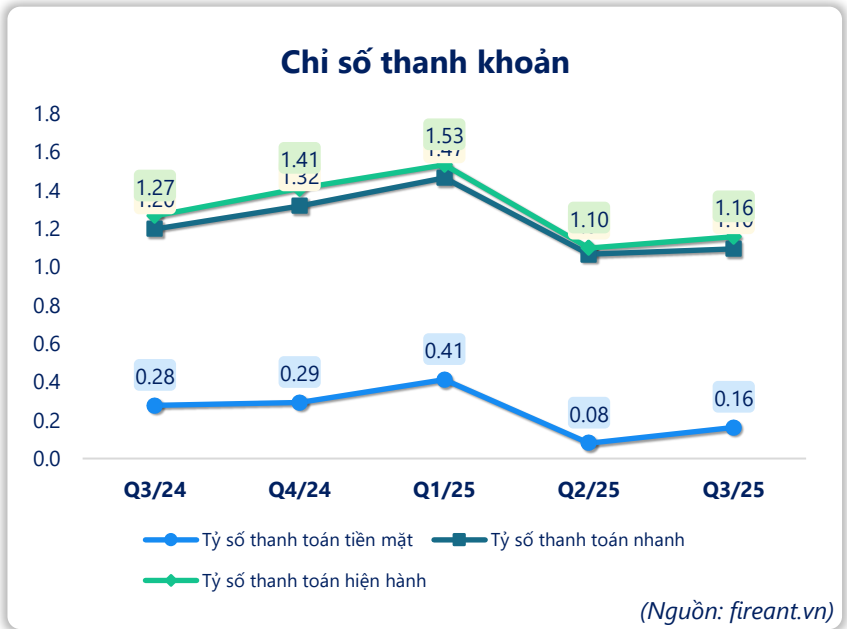
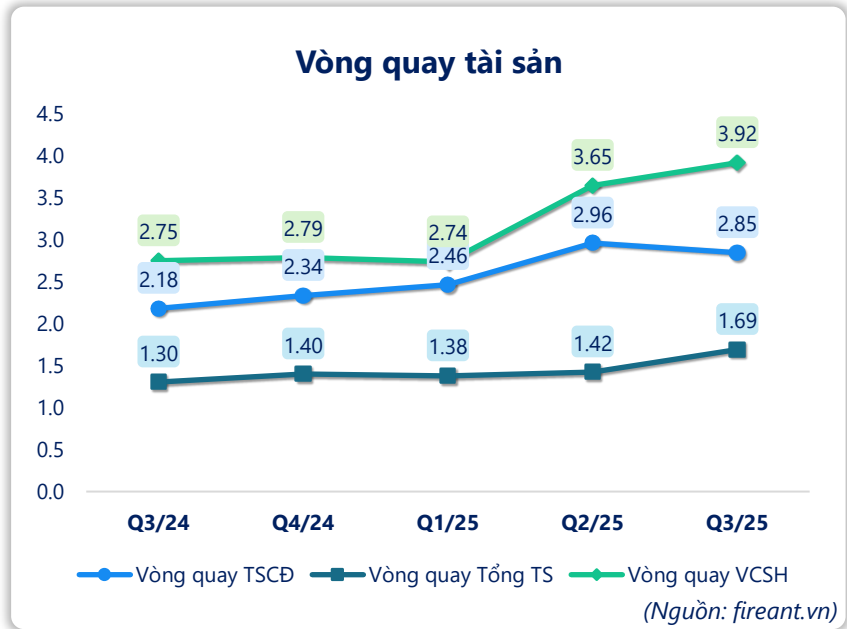
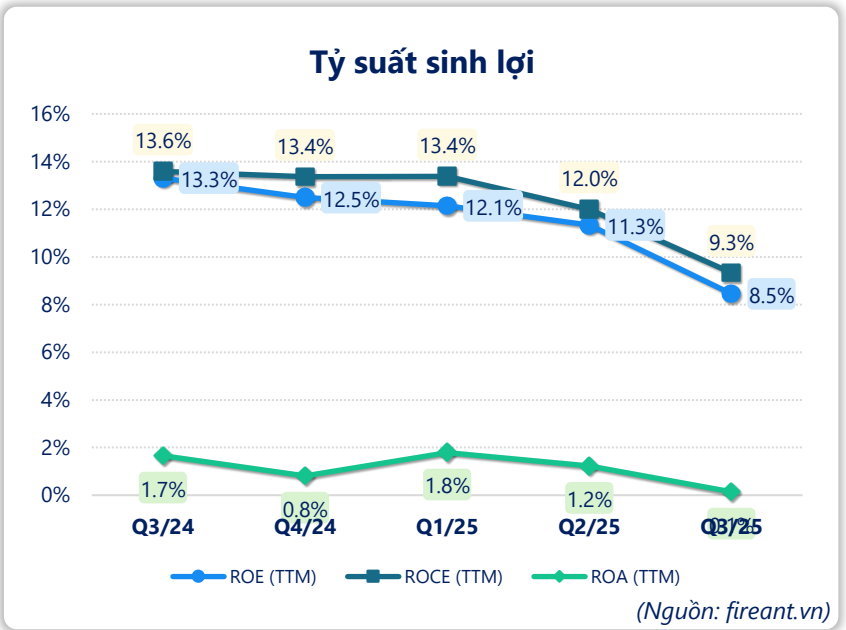
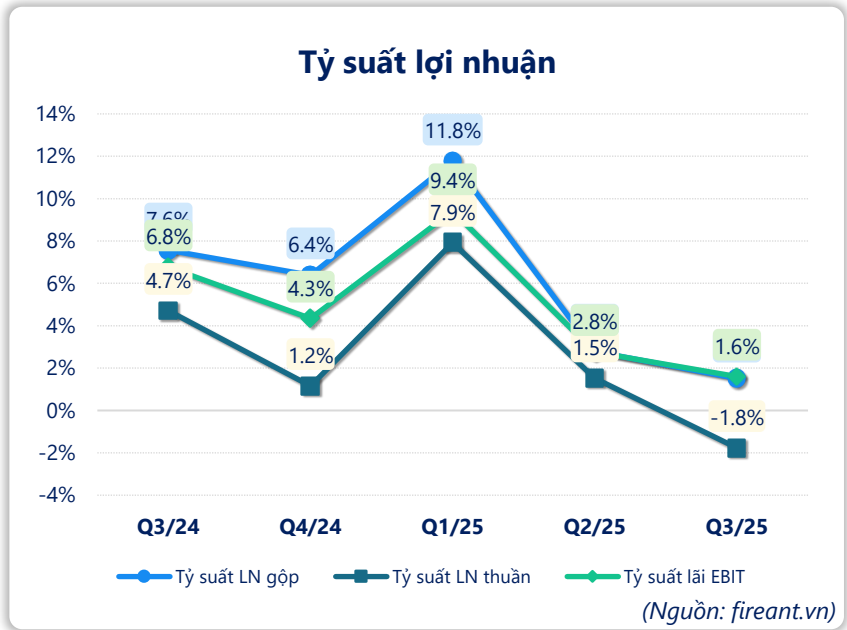
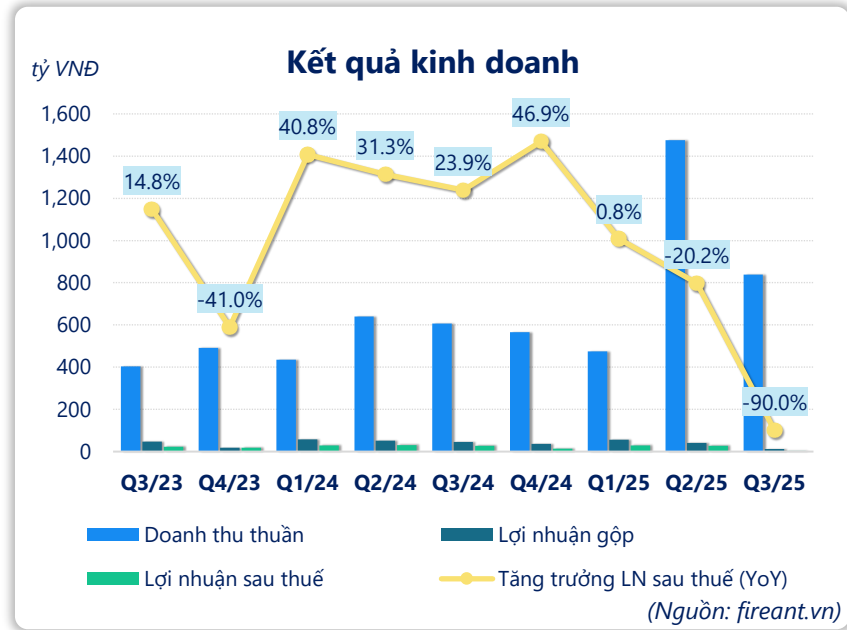


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		11,350
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,224
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,845
SL cổ phiếu LH		67,517,050
KLGD BQ 20 phiên (CP)		60,620
% sở hữu nước ngoài		0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		766
P/E		10.6
EPS		1,071

	YTD	1T	3T	6T
GSP	-9.4%	-2.6%	1.2%	0.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,093	1,692	23.7%
Tài sản ngắn hạn	826	627	31.9%
Tiền và tương đương tiền	116	129	-9.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	62.0	167	-62.9%
Phải thu ngắn hạn	503	193	161%
Hàng tồn kho	44.6	40.6	10.0%
Tài sản ngắn hạn khác	101	97.3	3.3%
Tài sản dài hạn	1,266	1,066	18.8%
Phải thu dài hạn	1.52	1.56	-2.5%
Tài sản cố định	1,259	1,060	18.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.31	0.12	1865%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.76	4.04	-7.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,221	839	45.4%
Nợ ngắn hạn	714	445	60.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	118	113	4.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	432	189	128%
Nợ dài hạn	507	395	28.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	489	381	28.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	872	853	2.3%
Vốn chủ sở hữu	872	853	2.3%
Vốn điều lệ	675	614	10.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	606	565	474	1,475	838
Giá vốn hàng bán	561	529	418	1,434	825
Lợi nhuận gộp	45.8	36.1	55.7	41.1	12.6
Doanh thu HĐTC	6.31	8.03	6.07	7.95	8.34
Chi phí TC	7.58	11.4	9.56	11.8	14.1
Chi phí lãi vay	6.45	8.24	7.56	7.63	9.87
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.10	2.75	0.19	0.60	1.11
Chi phí QLDN	14.9	23.4	14.5	14.2	20.6
LN thuần từ HĐKD	28.5	6.54	37.5	22.4	-14.8
Lợi nhuận khác	6.00	9.75	-0.49	10.7	18.4
LN trước thuế	34.5	16.3	37.0	33.1	3.55
Lợi nhuận sau thuế	27.6	13.1	29.6	26.8	2.85
LNST của CĐ cty mẹ	27.6	13.1	29.6	26.8	2.85

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	93.8	-94.9	42.6	80.3	-3.62
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-333	85.4	41.5	-324	68.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	190	-29.7	-29.7	172	-60.0
Tiền đầu kỳ	217	169	129	183	112
Lưu chuyển tiền thuần	-49.0	-39.1	54.5	-71.8	4.59
Ảnh hưởng tỷ giá	0.27	-0.03	-0.21	0.31	-0.11
Tiền cuối kỳ	169	129	183	112	116

(Nguồn: fireant.vn)